TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **177**/2024/DS-ST
Ngày: 08/5/2024.
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản và đòi lại tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Tuấn Anh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Văn Nghiệm**

2. Bà **Nguyễn Thị Mỹ Hoa**

Thư ký phiên tòa: bà **Trần Thị Ngọc Thúy**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên tòa: ông **Phạm Thanh An** – Kiểm sát viên

Trong ngày 08 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 77/2024/TLST-DS ngày 20/03/2024 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và đòi lại tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2024/QĐST-DS ngày 24/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **LÊ THỊ KIM P** – sinh năm 1957;

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền bà Đỗ Thị Thu N – sinh năm 1985

Địa chỉ: khu phố 3, Thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Theo hợp đồng ủy quyền ngày 05/01/2024 số công chứng 000111 quyển số 01/2024 TP/CC-SCC/HĐGD

2. Bị đơn: Bà **NGÔ THỊ Đ** – sinh năm 1970;

Ông **PHẠM KIM T** – sinh năm 1969

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, huyện G, Tiền Giang;

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Kim P trình bày: bà Đ và ông T là vợ chồng. Bà và vợ chồng bà Đ có quen biết nhau. Trước đây, do cần tiền để làm ăn nên vợ chồng bà Đ có vay tiền của bà nhiều lần. Đến ngày 11/12/2022 thì vợ chồng bà Đ đã đồng ý ký vào giấy biên nhận xác nhận có nợ bà số tiền là 326.000.000đ; 03 chỉ vàng 24 k và 19.500.000đ; chữ ký và chữ viết họ tên trong giấy biên nhận nợ ngày 11/12/2022 là của bà Đ và ông T. Ông T và bà Đ có thỏa thuận trả cho bà hàng tháng là 4.000.000đ tiền vốn, bà Đ có thỏa thuận thêm với bà sẽ đồng ý trả lãi theo lãi ngân hàng tương đương với 1,2%/tháng. Từ ngày 11/12/2022 đến nay, bà Đ chỉ trả cho bà được 26.000.000đ tiền vốn, lãi chưa trả được khoảng nào. Như vậy, vợ chồng bà Đ còn nợ bà tổng cộng số tiền là 319.500.000đ và 03 chỉ vàng 24k.

Ngoài ra, trước đây bà Đ và ông T còn mượn tiền hụi của bà (bà hốt hụi cho vợ chồng bà Đ mượn tiền). Đến ngày 28/8/2023, thì bà Đ có đại diện vợ chồng đồng ý viết 02 giấy xác nhận nợ, cụ thể:

+ Bà Đ đã lập giấy xác nhận nợ ngày 28/8/2023 số tiền 181.320.000đ, đồng ý trả lãi hàng tháng với mức lãi suất 1,5%/ tháng và hẹn 06 tháng sau sẽ trả đủ vốn, từ ngày 28/8/2023 đến nay bà Đ chưa trả cho bà được bất kỳ khoản tiền lãi nào.

+ Bà Đ đã lập giấy xác nhận nợ ngày 28/8/2023 số tiền 77.800.000đ, đồng ý trả lãi hàng tháng với mức lãi suất 3%/tháng và hẹn 06 tháng sau sẽ trả đủ vốn. Từ ngày 28/8/2023 đến nay bà Đ chỉ trả cho bà được 01 tháng tiền lãi.

Bà đã nhiều lần nhắc nhở để đòi lại tiền vốn cũng như yêu cầu vợ chồng bà Đ trả lãi nhưng đến nay vợ chồng bà Đ vẫn không thực hiện. Nay bà yêu cầu bà Ngô Thị Đ và ông Phạm Kim T cùng liên đới trả cho tôi trả cho tôi số tiền vốn tổng cộng là 578.620.000đ và 03 chỉ vàng 24k. Bà yêu cầu tính lãi cụ thể như sau:

Yêu cầu tính lãi đối với số tiền 323.500.000đ tính từ ngày 11/12/2022 đến khi xét xử với mức lãi suất 1,2%/tháng (lãi tạm tính đến khi nộp đơn là 50.466.000đ)

Yêu cầu tính lãi đối với số tiền 181.320.000đ tính từ ngày 28/8/2023 đến khi xét xử với mức lãi suất 1,5%/tháng (lãi tạm tính đến khi nộp đơn là 13.599.000đ)

Yêu cầu tính lãi đối với số tiền 77.800.000đ tính từ ngày 28/9/2023 đến khi xét xử với mức lãi suất 1,66%/tháng (lãi tạm tính đến khi nộp đơn là 5.165.000đ)

Bà P yêu cầu trả tiền nợ vốn tổng cộng là 578.620.000đ, 03 chỉ vàng 24k và tiền lãi *(*tổng lãi tạm tính là 69.230.000đ), yêu cầu trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật..

* Tại văn bản lời khai của bị đơn bà Ngô Thị Đ trình bày: bà Đ và bà P hàng xóm với nhau. Bà và chồng là ông Phạm Kim T có vay nhiều lần tiền của bà Lê Thị Kim P từ năm 2020, đến ngày 11/12/2022 tổng kết nợ lại thì vợ chồng bà còn nợ bà P số tiền 326.000.000 đồng + 3 chỉ vàng 24K + 19.500.000 đồng, thỏa thuận mỗi tháng trả 4.000.000 đồng tiền vốn, bà có trả được 26.000.000 đồng, chưa có trả lãi. Ngày 28/8/2023 âm lịch vợ chồng bà vay tiếp số tiền 77.800.000 đồng, thời hạn là 6 tháng. Đến hạn vợ chồng bà chưa trả cho bà P số tiền vốn và lãi nào cả. Ngày 28/8/2023 vợ

chồng bà có vay của bà P số tiền 181.320.000 đồng, thời hạn 6 tháng. Đến hạn vợ chồng bà chưa trả cho bà P số tiền vốn và lãi nào cả. Tờ biên nhận ngày 11/12/2022 do bà P viết, bà và ông T ký tên; biên nhận ngày 28/8/2023 và biên nhận ngày 28/8/2023 âm lịch là do bà viết và ký tên. Hiện vợ chồng bà còn nợ bà P số tiền 559.620.000 đồng và 3 chỉ vàng 24K. Nay bà P yêu cầu vợ chồng bà trả số tiền 563.620.000 đồng và tiền lãi, phía bà P chấp nhận trả cho bà P số tiền 578.620.000đ và 3 chỉ vàng 24K, nhưng xin trả dần mỗi tháng là 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, xin không trả lãi.

* Bị đơn ông Phạm Kim T đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng cho ông T, nhưng ông T không đến Tòa án và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà P.

Tại phiên Tòa hôm nay

Đại diện nguyên đơn là bà Đỗ Thị Thu N yêu cầu bà Ngô Thị Đ và ông Phạm Kim T liên đới trả lại số tiền 558.620.000đ và 03 chỉ vàng 24k; yêu cầu tính lãi của số tiền 299.500.000 đồng từ ngày 4/12/2023 đến ngày Tòa xét xử là 5 tháng 4 ngày với mức lãi suất 0,83%/tháng, thành tiền là 12.760.000 đồng, yêu cầu trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà Ngô Thị Đ đồng ý trả cho bà Lê Thị Kim P số tiền 558.620.000đ và 03 chỉ vàng 24k đồng, nhưng xin trả dần mỗi tháng là 4.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, xin không trả tiền lãi.

Bị đơn ông Phạm Kim T chấp nhận trả cho bà P số tiền 299.500.000 đồng và 3 chỉ vàng 24K, nhưng xin trả dần mỗi tháng là 4.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, xin không trả tiền lãi. Ông T không đồng ý trả số tiền 259.120.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định quan hệ đang tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và đòi lại tài sản.

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kim P là có cơ sở: vì bà Lê Thị Kim P có cho bà Ngô Thị Đ và ông Phạm Kim T vay số tiền 604.620.000 đồng và 03 chỉ vàng 24K vào các ngày 11/12/2022, ngày 28/8/2023 và ngày 28/8/2023 âm lịch với thời hạn vay là 6 tháng đối với hai biên nhận ngày 28/8/2023 và ngày 28/8/2023 âm lịch, đối với biên nhận ngày 11/12/2022 không thể hiện thời hạn vay. Sau khi vay bà Đ và ông T có trả cho bà P số tiền 46.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 558.620.000đ và 03 chỉ vàng 24k rồi ngưng luôn cho đến nay. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình bà P cung cấp 3 tờ "ngày 11/12/2022, ngày 28/8/2023 và ngày 28/8/2023 âm lịch có chữ viết

và chữ ký của bà Đ và ông T. Tại phiên tòa bà Đ thừa nhận còn nợ bà P số tiền 558.620.000đ và 03 chỉ vàng 24k, đồng thời chấp nhận trả bà P số tiền 558.620.000đ và 03 chỉ vàng 24k. Do đó có đủ cơ sở để xác định giữa bà P với bà Đ, ông T đã xác lập hợp đồng vay tài sản và mượn tài sản theo quy định tại Điều 463 và Điều 494 Bộ luật dân sự năm 2015, phía bà Đ, ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên có nghĩa vụ, nên cần buộc bà Đ, ông T có trách nhiệm trả cho bà P số tiền 558.620.000đ và 03 chỉ vàng 24k là phù hợp với Điều 466 và Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về tiền lãi: bà Lê Thị Kim P yêu cầu tính lãi của số tiền 299.500.000 đồng từ ngày 4/12/2023 đến ngày Tòa xét xử là 5 tháng 4 ngày với mức lãi suất 0,83%/tháng, thành tiền là 12.760.000 đồng. Xét yêu cầu này của bà P là có cơ sở vì bà Đ, ông T chậm thực hiện nghĩa vụ của mình đối với bà P nên bà Đ, ông T phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, và lãi suất do bà P yêu cầu bà Đ, ông T trả phù hợp với mức lãi suất được theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, yêu cầu này của bà P phù hợp với Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[2.1] Đối với số tiền 181.320.000 đồng và 77.800.000 đồng bà P không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về thời gian trả: bà Đ đề nghị bà P được trả dần số tiền 558.620.000đ và 03 chỉ vàng 24k, mỗi tháng trả 4.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Xét ý kiến này của bà Đ là không có cơ sở vì số tiền này bà Đ, ông T để kéo dài không trả cho bà P đã ảnh hưởng đến quyền lợi của bà P, phía bà N đại diện cho bà P cũng không đồng ý cho bà Đ, ông T trả dần mỗi tháng 4.000.000 đồng, nên cần buộc bà Đ, ông T trả tiền khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] Đối với ông Phạm Kim T không đồng ý trả cho bà P số tiền 181.320.000 đồng và 77.800.000 đồng với lý do là ông không biết số tiền này và không có ký tên vào 02 biên nhận ngày 28/8/2023 và ngày 28/8/2023 âm lịch. Xét ý kiến của ông T là không có cơ sở vì tại phiên tòa ông T và bà Đ thừa nhận việc bà Đ vay tiền của bà P là để phát triển kinh tế gia đình, phục vụ cho nhu cầu thiết yếu của gia đình và cũng để trị bệnh cho ông T. Do đó, ông T cũng có nghĩa vụ liên đới đối với các giao dịch do bà Đ thực hiện, nên ông T cũng phải có trách nhiệm liên đới với bà Đ trả số tiền 558.620.000đ và 03 chỉ vàng 24k cho bà P là phù hợp với Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào các Điều 175, 177, 235 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 166, 275, 280, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kim P.

Buộc bà Ngô Thị Đ và ông Phạm Kim T có trách nhiệm liên đới trả cho bà Lê Thị Kim P số tiền vốn là 558.620.000 đồng và tiền lãi là 12.760.000 đồng, tổng cộng là **571.380.000** (năm trăm bảy mươi mốt triệu ba trăm tám mươi nghìn) đồng và **03** (ba) chỉ vàng 24K, khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: bà Ngô Thị Đ và ông Phạm Kim T liên đới chịu **27.738.400** (hai mươi bảy triệu bày trăm ba mươi tám nghìn bốn trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Lê Thị Kim P được miễn nộp tiền tạm ứng án phí.

Báo các đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- THA.DS huyện Gò Công Tây
- Các đương sự.
- Lưu: hồ sơ, án văn.

Nguyễn Văn Tuấn Anh